Báo cáo ngành: Ngân hàng

Chỉ đạo giảm lãi suất nén NIM trong Q4/2026: lãi suất cho vay giảm trước, lãi suất huy động giảm sau, lợi nhuận một quý của nhóm ngân hàng mất khoảng 4,2%

Phân tích Công văn 9736/NHNN-CSTT ngày 21/10/2026 trên bảng định lại lãi suất, bảng kỳ hạn thanh khoản và kết quả kinh doanh Q3/2026 của **27 ngân hàng niêm yết** · giá ngày 04/11/2026 · **Phát hành bởi AAS Research**

Δ NII Q4/2026 (cơ sở)	So với LNTT một quý	Δ NIM Q4 (quy năm)	Dư nợ định lại ≤ 3 tháng	Δ LNST 12 tháng tới	Nhóm NH so với VN-Index từ 16/10
−4,3 nghìn tỷ đồng, −2,4% NII Q3	**−4,2%** khoảng −1,5% đến −8,0%	**−7,8** điểm cơ bản	**61%** tiền gửi có kỳ hạn: 35%	**−4,5%** khoảng +2,2% đến −12,8%	**−3,2** điểm %, đến 04/11/2026

GÓC NHÌN AAS RESEARCH

Lợi nhuận Q4 giảm, nhưng chủ yếu do độ trễ. 61% dư nợ trong hạn định lại lãi suất trong vòng 3 tháng, trong khi tiền gửi có kỳ hạn chỉ 35%. CASA (20% tiền gửi) đã ở mức lãi suất sát sàn, không còn dư địa giảm. Vì vậy, khi lãi suất hai phía cùng giảm, thu nhập lãi giảm nhanh hơn chi phí lãi. Trong Q4, mỗi 10 điểm cơ bản giảm lãi suất cho vay làm mất 790 tỷ đồng NII, gấp 2,3 lần phần bù từ 10 điểm cơ bản giảm lãi suất huy động.

Gói vay ưu đãi là biến lớn nhất. Trong kịch bản cơ sở, riêng gói ưu đãi (8% dư nợ, giảm 1,75%) lấy đi khoảng 3.178 tỷ đồng, hơn nửa phần NII bị giảm. Khi tiền gửi đáo hạn được định lại và gói ưu đãi hết hạn, ảnh hưởng dài hạn lên lợi nhuận gần như bằng 0.

Giá cổ phiếu đã phản ánh phần lớn kịch bản cơ sở. Nếu P/E giữ nguyên, LNST 12 tháng tới giảm 4,5% tương ứng mức giảm giá tương đương. Từ 16/10 đến 04/11, nhóm ngân hàng đã kém VN-Index 3,2 điểm %, nên áp lực còn lại khoảng 1–2 điểm %. Rủi ro giảm thêm 8–10 điểm % nằm ở kịch bản gói ưu đãi bị mở rộng sang dư nợ hiện hữu.

KẾT LUẬN

Chỉ đạo giảm lãi suất là yếu tố tiêu cực ngắn hạn cho lợi nhuận ngân hàng. NII Q4/2026 của 27 ngân hàng giảm khoảng 4.263 tỷ đồng ở kịch bản cơ sở, bằng 4,2% LNTT của một quý bình quân; khoảng dao động là 1,5–8,0%. Tác động phân hóa rõ. Ngân hàng có dư nợ định lại nhanh và tiền gửi kỳ hạn dài chịu nặng hơn: BID, ACB, SHB, TCB, CTG, MBB, VPB trong nhóm vốn hóa lớn; BAB, VAB, SSB, STB trong nhóm nhỏ. Ngân hàng có dư nợ định lại chậm hoặc tiền gửi định lại nhanh chịu nhẹ hơn: VBB, BVB, KLB, MSB, HDB, ABB, OCB.

1 Chỉ đạo nhắm vào cả hai phía, nhưng phía cho vay có thêm gói ưu đãi giảm sâu hơn

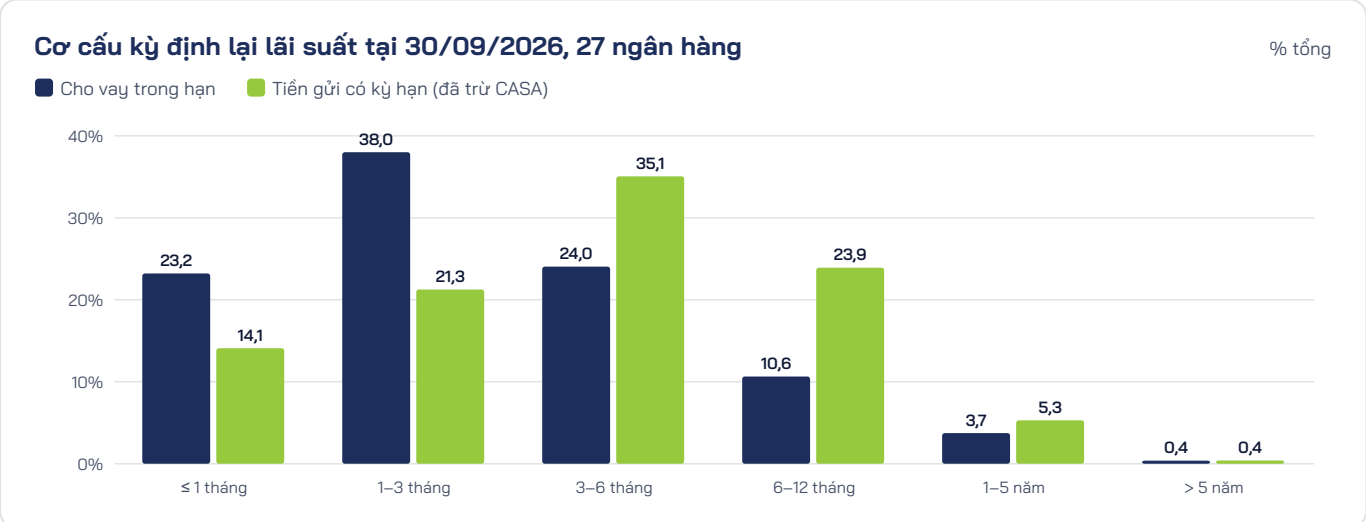
Ngân hàng Nhà nước yêu cầu giảm lãi suất huy động bình quân tối thiểu 0,5%/năm với giao dịch mới kỳ hạn từ 6 tháng, áp dụng trên mọi kênh. Phía cho vay không có mức bắt buộc. Tuy vậy, các ngân hàng đồng loạt tung gói ưu đãi giảm 1,5–2%/năm cho sản xuất, kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên; một số áp cả cho dư nợ hiện hữu khi đến kỳ điều chỉnh. Mức giảm không đối xứng này quyết định chiều tác động lên biên lãi.

Nội dung	Văn bản và diễn biến	Cách AAS đưa vào ước tính
Huy động	Giảm tối thiểu 0,5%/năm lãi suất tiền gửi bình quân giao dịch mới, kỳ hạn từ 6 tháng (Công văn 9736/NHNN-CSTT ngày 21/10/2026). Cuối tháng 10, lãi suất tiền gửi mới bình quân giảm khoảng 0,4%/năm	Tiền gửi có kỳ hạn nhận mức giảm khi đến hạn; CASA giữ nguyên
Cho vay	Hơn 20 ngân hàng công bố gói ưu đãi giảm 1,5–2%/năm; một số áp cả cho dư nợ hiện hữu khi đến kỳ điều chỉnh. Lãi suất cho vay mới giảm 0,2–0,5%/năm	Dư nợ đến kỳ định lại giảm theo kịch bản, cộng phần dư nợ thuộc gói ưu đãi
Thời điểm	Họp ngày 19/10, công văn 21/10/2026; một số ngân hàng áp dụng từ 20/10	Hiệu lực từ 21/10: Q4 còn 72/92 ngày
Chế tài	Ngân hàng không thực hiện có thể bị xem xét giảm chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng	Ngân hàng khó giữ biên bằng cách không giảm lãi suất cho vay

Nguồn: Công văn 9736/NHNN-CSTT ngày 21/10/2026; công bố của các ngân hàng đến 04/11/2026; AAS tổng hợp.

2 Dư nợ định lại nhanh gấp gần hai lần tiền gửi có kỳ hạn: 61% so với 35% trong vòng 3 tháng

Bảng định lại lãi suất tại 30/09/2026 cho thấy phần lớn dư nợ được định lại trong vòng 3 tháng: khoản vay lãi suất thả nổi điều chỉnh theo kỳ 1–3 tháng, cộng khoản vay ngắn hạn đáo hạn. Tiền gửi có kỳ hạn tập trung ở khung 3–12 tháng, nên phần lớn chỉ hưởng lãi suất mới từ năm 2027. Phần CASA được ngân hàng xếp vào khung đến 1 tháng, nhưng lãi suất đã sát 0, nên không đóng góp vào phía giảm chi phí.



Kỳ định lại lãi suất	Cho vay trong hạn (nghìn tỷ đ)	Tỷ trọng	Tiền gửi có kỳ hạn (nghìn tỷ đ)	Tỷ trọng	Khe hở nhạy cảm lãi suất (nghìn tỷ đ)
≤ 1 tháng	3.600	23,2%	1.594	14,1%	−806
1–3 tháng	5.892	38,0%	2.405	21,3%	+2.748
3–6 tháng	3.729	24,0%	3.967	35,1%	−465
6–12 tháng	1.651	10,6%	2.706	23,9%	−1.257
1–5 năm	580	3,7%	599	5,3%	+251
> 5 năm	57	0,4%	46	0,4%	+503
Cộng	**15.510**	**100%**	**11.318**	**100%**	

Nguồn: thuyết minh rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và tiền gửi khách hàng trong BCTC Q3/2026 của các ngân hàng (SHB: BCTC bán niên 2026 quy đổi theo quy mô 30/09/2026); AAS tính. CASA gồm tiền gửi không kỳ hạn, ký quỹ, vốn chuyên dùng: 2.846 nghìn tỷ đồng.

Hệ quả là trong 72 ngày còn lại của Q4, phía tài sản chịu mức giảm lãi suất trên quy mô lớn hơn nhiều so với phía nợ. Chênh lệch này là khoảng trễ định lại: nó thu hẹp dần trong 2–3 quý khi tiền gửi đáo hạn được tái tục ở mức lãi suất mới.

3 NII Q4 giảm 4.263 tỷ đồng ở kịch bản cơ sở, tương đương 4,2% LNTT một quý

Ba kịch bản khác nhau ở mức giảm lãi suất huy động thực tế, mức giảm lãi suất cho vay khi định lại và quy mô gói ưu đãi. Kịch bản cơ sở bám diễn biến cuối tháng 10: lãi suất tiền gửi mới giảm 0,4–0,5%, lãi suất cho vay mới giảm 0,2–0,5%, gói ưu đãi chiếm khoảng 5–15% dư nợ ở các ngân hàng đã công bố quy mô. Ở kịch bản tiêu cực, ngân hàng thiếu thanh khoản ngắn hạn chỉ giảm được 60% mức lãi suất huy động.

Kịch bản	Δ lãi suất huy động (%)	Δ lãi suất cho vay khi định lại (%)	Gói ưu đãi (tỷ lệ dư nợ × mức giảm)	Lợi từ huy động (tỷ đ)	Mất từ cho vay (tỷ đ)	Δ NII Q4 (tỷ đ)	% NII Q3	% LNTT quý bình quân	Δ NIM (điểm cơ bản, quy năm)
Tích cực	−0,60	−0,30	5% × −1,50	+2.355	−3.911	**−1.556**	−0,9%	**−1,5%**	−2,8
Cơ sở	**−0,50**	**−0,40**	**8% × −1,75**	**+1.741**	**−6.004**	**−4.263**	**−2,4%**	**−4,2%**	**−7,8**
Tiêu cực	−0,40	−0,60	12% × −2,00	+1.334	−9.479	**−8.145**	−4,7%	**−8,0%**	−14,9

Nguồn: BCTC Q3/2026 của 27 ngân hàng; Công văn 9736/NHNN-CSTT; AAS tính. LNTT quý bình quân = ¼ LNTT Q4/2025–Q3/2026 = 102.065 tỷ đồng; NII Q3/2026 = 174.623 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	Tích cực	Cơ sở	Tiêu cực
Δ LNST 12 tháng tới	+2,2%	**−4,5%**	−12,8%
Δ LNST khi đã định lại hết, gói ưu đãi hết hạn	+8,7%	−0,1%	−9,6%
Lợi nhuận mất trong 12 tháng / vốn hóa	+0,3%	−0,6%	−1,7%

Nguồn: BCTC Q3/2026 của 27 ngân hàng; Công văn 9736/NHNN-CSTT; AAS tính. Thuế TNDN 20%.

Khi tiền gửi đã định lại hết và gói ưu đãi hết hạn, lợi nhuận của kịch bản cơ sở gần như trở lại mức cũ (−0,1%), vì lãi suất huy động và cho vay giảm tương đương nhau. Ảnh hưởng chỉ kéo dài nếu lãi suất cho vay giảm sâu hơn hẳn lãi suất huy động, như ở kịch bản tiêu cực (−9,6%).

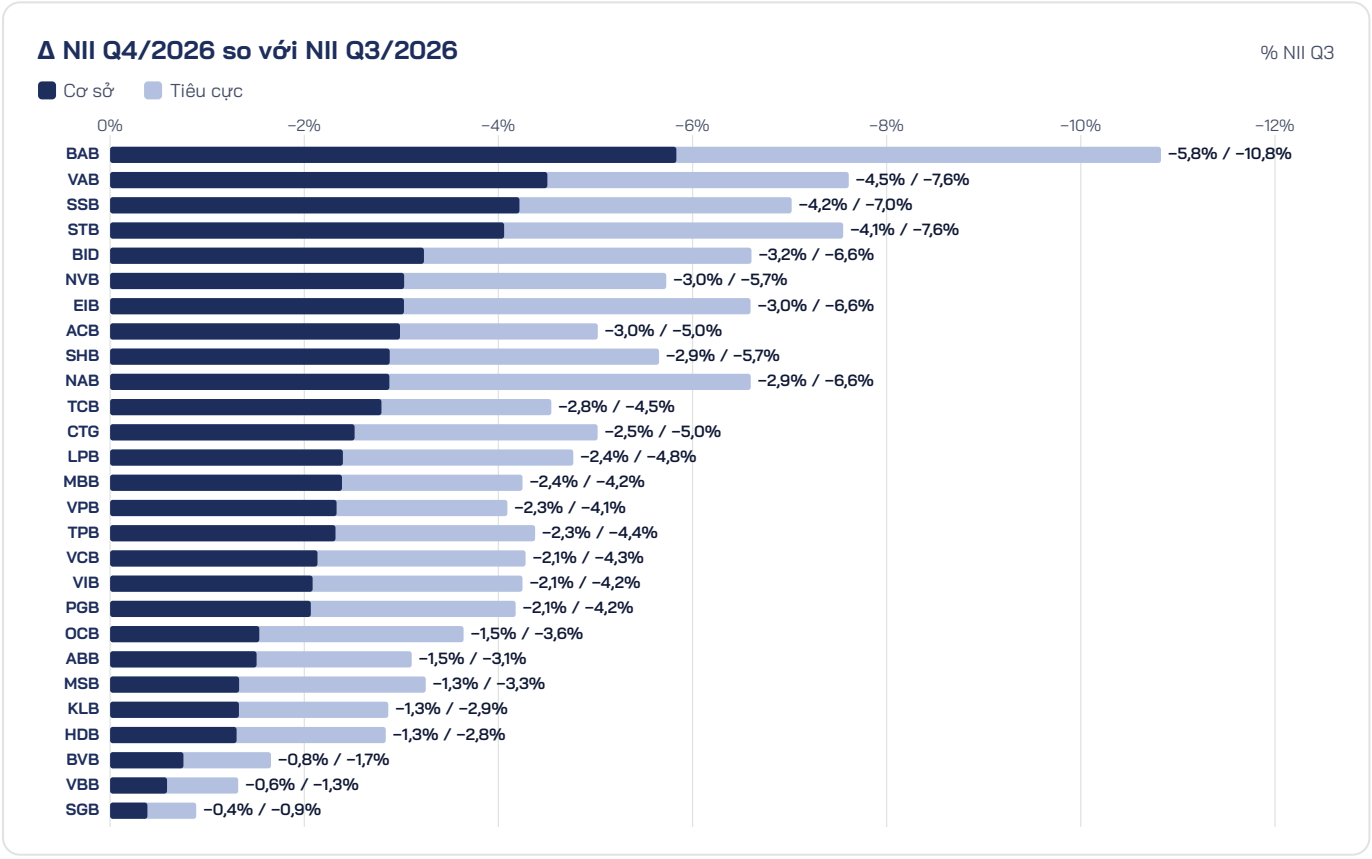
Độ nhạy NII Q4/2026 theo mức giảm lãi suất

Δ huy động \ Δ cho vay (%)	−0,2	−0,3	−0,4	−0,5	−0,6	−0,8
−0,3	−3.537 (−3,5%)	−4.271 (−4,2%)	−5.006 (−4,9%)	−5.740 (−5,6%)	−6.475 (−6,3%)	−7.943 (−7,8%)
−0,4	−3.167 (−3,1%)	−3.901 (−3,8%)	−4.636 (−4,5%)	−5.370 (−5,3%)	−6.104 (−6,0%)	−7.573 (−7,4%)
−0,5	**−2.797 (−2,7%)**	**−3.531 (−3,5%)**	**−4.265 (−4,2%)**	**−5.000 (−4,9%)**	**−5.734 (−5,6%)**	**−7.203 (−7,1%)**
−0,6	−2.427 (−2,4%)	−3.161 (−3,1%)	−3.895 (−3,8%)	−4.630 (−4,5%)	−5.364 (−5,3%)	−6.833 (−6,7%)
−0,7	−2.056 (−2,0%)	−2.791 (−2,7%)	−3.525 (−3,5%)	−4.260 (−4,2%)	−4.994 (−4,9%)	−6.463 (−6,3%)

Nguồn: AAS tính. Đơn vị: tỷ đồng (trong ngoặc: % LNTT quý bình quân). Gói ưu đãi giữ ở 8% dư nợ × 1,75%; mỗi 1 điểm % quy mô gói thay đổi kết quả khoảng 397 tỷ đồng.

4 Tác động phân hóa theo cấu trúc kỳ hạn của từng ngân hàng

Ba đặc điểm quyết định mức ảnh hưởng: tỷ trọng dư nợ định lại trong 3 tháng (càng cao càng mất nhanh), tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn định lại trong 3 tháng (càng cao càng bù nhanh) và tỷ trọng CASA (càng cao thì phần không giảm được chi phí càng lớn). ACB, TCB, MBB, VPB có dư nợ định lại nhanh hoặc CASA cao nên NIM giảm 9–11 điểm cơ bản. HDB, KLB, MSB có dư nợ định lại chậm hơn hoặc tiền gửi định lại nhanh hơn nên chỉ giảm khoảng 5 điểm cơ bản.



Mã	CASA / tiền gửi	Cho vay định lại ≤ 3 tháng	TG kỳ hạn định lại ≤ 3 tháng	Δ NII Q4 (tỷ đ)	% NII Q3	% LNTT quý bq	Δ NIM (đcb)	% LNTT quý: tiêu cực	Δ LNST 12 tháng	Giá 16/10 → 04/11
BAB	4%	77%	28%	−39	−5,8%	−10,6%	−7,5	−19,6%	−9,9%	−0,9%
VAB	7%	25%	2%	−24	−4,5%	−5,4%	−6,8	−9,1%	−1,2%	+0,4%
SSB	13%	63%	29%	−104	−4,2%	−10,2%	−10,5	−17,0%	−10,0%	−6,2%
STB	19%	99%	34%	−212	−4,1%	−33,5%	−8,7	−62,3%	−31,3%	+7,8%

Mã	CASA / tiền gửi	Cho vay định lại ≤ 3 tháng	TG kỳ hạn định lại ≤ 3 tháng	Δ NII Q4 (tỷ đ)	% NII Q3	% LNTT quý bq	Δ NIM (đcb)	% LNTT quý: tiêu cực	Δ LNST 12 tháng	Giá 16/10 → 04/11
BID	20%	50%	37%	−551	−3,2%	−5,1%	−6,8	−10,3%	−7,0%	−4,4%
NVB *	11%	79%	33%	−46	−3,0%	–	−8,1	–	–	+13,0%
EIB *	13%	59%	45%	−33	−3,0%	–	−6,0	–	–	+1,2%
ACB †	20%	97%	14%	−245	−3,0%	−4,9%	−9,4	−8,2%	−7,5%	−0,5%
SHB ‡	7%	91%	37%	−187	−2,9%	−4,4%	−8,6	−8,6%	−3,7%	+0,9%
NAB †	5%	61%	41%	−51	−2,9%	−3,3%	−5,2	−7,6%	−2,2%	+4,5%
TCB	33%	52%	24%	−327	−2,8%	−3,4%	−11,1	−5,6%	−4,1%	−1,4%
CTG	23%	58%	42%	−549	−2,5%	−4,1%	−7,7	−8,2%	−4,4%	+1,5%
LPB	7%	28%	25%	−94	−2,4%	−2,5%	−5,8	−5,0%	−1,7%	−4,5%
MBB	34%	70%	42%	−426	−2,4%	−4,1%	−9,8	−7,3%	−5,3%	−3,0%
VPB	13%	59%	35%	−424	−2,3%	−4,2%	−11,3	−7,4%	−4,8%	−9,6%
TPB	20%	74%	44%	−103	−2,3%	−3,9%	−7,8	−7,3%	−3,6%	+6,2%
VCB	32%	59%	40%	−435	−2,1%	−3,4%	−6,6	−6,8%	−4,7%	−3,7%
VIB †	11%	51%	37%	−100	−2,1%	−4,1%	−7,0	−8,4%	−4,3%	+2,9%
PGB	23%	61%	39%	−12	−2,1%	−5,4%	−5,4	−10,9%	−2,4%	+2,1%
OCB †	12%	47%	46%	−43	−1,5%	−3,0%	−5,2	−7,1%	−4,2%	+6,5%
ABB	9%	100%	36%	−32	−1,5%	−2,3%	−5,1	−4,7%	−1,4%	−0,6%
MSB †	21%	49%	47%	−45	−1,3%	−2,3%	−4,7	−5,8%	−1,1%	+11,2%
KLB	6%	11%	22%	−12	−1,3%	−1,9%	−4,5	−4,0%	+2,6%	−5,5%
HDB	8%	41%	32%	−121	−1,3%	−1,9%	−4,8	−4,2%	+0,6%	−2,6%
BVB †	9%	88%	43%	−24	−0,8%	−10,4%	−7,0	−22,7%	−2,5%	−0,5%
VBB †	5%	47%	33%	−22	−0,6%	−4,5%	−4,7	−10,1%	−1,1%	−1,2%
SGB *	8%	0%	11%	−2	−0,4%	–	−3,1	–	–	−0,8%

Nguồn: thuyết minh rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và tiền gửi khách hàng trong BCTC Q3/2026 của các ngân hàng (SHB: BCTC bán niên 2026 quy đổi theo quy mô 30/09/2026); AAS tính. * LNTT 4 quý thấp bất thường do dự phòng lớn hoặc khoản một lần, không quy ra % LNTT. † Thiếu thanh khoản ngắn hạn (mục 5). ‡ BCTC Q3 không trình bày bảng định lại lãi suất.

5 Thanh khoản quyết định ngân hàng nào hạ được lãi suất huy động

Ngân hàng có chênh lệch thanh khoản ròng ngắn hạn âm sâu phải giữ lãi suất tiền gửi để không mất nguồn vốn. Ở các ngân hàng này, lợi ích từ phía huy động thấp hơn mặt bằng ngành, trong khi phía cho vay vẫn phải giảm theo chỉ đạo. Do phần lớn CASA ổn định dù được xếp vào khung đến 1 tháng, AAS cộng lại 70% CASA khi đo mức thiếu hụt.

Mã	Chênh ròng ≤ 1 tháng / tổng TS	Chênh ròng ≤ 3 tháng / tổng TS	CASA / tổng TS	≤ 3 tháng + 70% CASA	Cho vay / tiền gửi KH
BVB	−11,8%	−23,7%	5,3%	−19,9%	96%
MSB	−18,7%	−25,9%	10,6%	−18,5%	107%
OCB	−13,0%	−19,7%	5,1%	−16,1%	145%
NAB	−10,5%	−15,9%	2,3%	−14,3%	105%
VIB	−13,1%	−13,4%	6,2%	−9,1%	128%
ACB	−16,4%	−15,8%	10,7%	−8,3%	128%
VBB	−8,5%	−10,0%	2,8%	−8,1%	107%
PGB	−18,2%	−16,6%	12,7%	−7,7%	97%
TPB	−7,2%	−14,1%	10,2%	−6,9%	111%
SHB	−6,2%	−9,4%	4,6%	−6,2%	104%

Nguồn: thuyết minh rủi ro thanh khoản trong BCTC Q3/2026 của các ngân hàng; AAS tính. Cho vay / tiền gửi KH là dư nợ gộp chia tiền gửi khách hàng trên BCTC hợp nhất, không phải LDR theo Thông tư 22.

6 Giá cổ phiếu: kênh lợi nhuận kéo giá xuống khoảng 4,5%, thị trường đã chiết khấu 3,2 điểm %

Cách thị trường quy đổi lợi nhuận mất đi thành giá phụ thuộc vào việc coi tác động là tạm thời hay kéo dài. Nếu nhà đầu tư giữ P/E trên lợi nhuận 12 tháng tới, giá nhóm ngân hàng giảm khoảng 4,5% ở kịch bản cơ sở. Nếu coi đây chỉ là khoảng trễ định lại, phần lợi nhuận mất đi chỉ bằng 0,6% vốn hóa. Gán xác suất 60/25/15 cho cơ sở/tiêu cực/tích cực, mức kỳ vọng là −5,6%.

Cách quy đổi sang giá	Tích cực	Cơ sở	Tiêu cực	Thị trường hiểu tác động là
P/E giữ nguyên trên LNST 12 tháng tới	**+2,2%**	**−4,5%**	**−12,8%**	**mức lãi giảm kéo dài một năm**
Lợi nhuận mất một lần / vốn hóa	+0,3%	−0,6%	−1,7%	khoảng trễ tạm thời
P/E giữ nguyên trên LNST dài hạn	+8,7%	−0,1%	−9,6%	biên lãi bị thu hẹp vĩnh viễn

Nguồn: AAS tính. Vốn hóa 27 ngân hàng ngày 04/11/2026 khoảng 2.404 nghìn tỷ đồng; LNST cổ đông mẹ 4 quý khoảng 322 nghìn tỷ đồng.

Lịch sử cho thấy chiều ngược lại trong các đợt giảm lãi suất trước: sau các đợt Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất điều hành năm 2023, nhóm ngân hàng tăng cùng thị trường. Khác biệt nằm ở trình tự. Năm 2023, lãi suất điều hành giảm trước nên chi phí vốn giảm trước, rồi lãi suất cho vay mới giảm theo. Đợt này lãi suất cho vay giảm cùng lúc hoặc trước, nên biên lãi bị nén. Từ 16/10 đến 04/11, nhóm ngân hàng giảm −1,6% trong khi VN-Index +1,6%, tức thị trường đang định giá đúng chiều tiêu cực của chỉ đạo.

Ngày	Sự kiện	NH +5 phiên	VN-Index +5	NH +20	VN-Index +20	NH +60	VN-Index +60
19/12/2022	VNBA/NHNN: NH cam kết giảm LS cho vay 0,5–1%	−1,4%	−3,1%	+6,8%	+1,3%	+3,2%	−2,8%
15/03/2023	NHNN giảm LS tái chiết khấu (lần 1)	−1,3%	−0,7%	+2,1%	+2,8%	+7,2%	+6,5%
03/04/2023	NHNN giảm LS tái cấp vốn (lần 2)	−0,1%	+0,5%	−1,9%	−1,5%	+6,9%	+6,9%
25/05/2023	NHNN giảm LS điều hành (lần 3)	+1,1%	+1,3%	+5,9%	+5,3%	+15,4%	+17,1%
19/06/2023	NHNN giảm LS điều hành (lần 4)	+0,0%	+1,3%	+2,6%	+4,8%	+7,5%	+11,7%
19/10/2026	**Họp 19/10 + CV 9736 21/10/2026**	**+1,8%**	**+4,0%**	**−1,6% (13 phiên)**	**+1,6%**	**–**	**–**

Nguồn: kho AAS (giá điều chỉnh), AAS tính. NH là rổ 27 mã gia quyền vốn hóa, tính từ phiên liền trước sự kiện.

7 Yếu tố bù trừ giới hạn mức giảm sâu hơn kịch bản cơ sở

Ước tính trên chỉ tính tác động trực tiếp của lãi suất lên thu nhập lãi thuần. Các kênh gián tiếp đi theo hai chiều:

Yếu tố	Chiều tác động	Cơ chế
Tín dụng tăng nhanh cuối năm	Tích cực	Lãi suất thấp kích cầu vay; mỗi 1 điểm % tăng trưởng tín dụng thêm trong Q4 bù được một phần nhỏ NII bị mất
Nợ xấu mới, chi phí dự phòng	Tích cực, có độ trễ	Gánh nặng lãi của khách vay giảm, khả năng trả nợ cải thiện dần từ 2027
Lãi/lỗ chứng khoán đầu tư	Hai chiều	Chỉ có lợi nếu lợi suất trái phiếu Chính phủ giảm theo; chỉ đạo không tác động trực tiếp lên kênh này
Chế tài chỉ tiêu tín dụng	Tiêu cực	Ngân hàng chậm giảm lãi suất cho vay có thể bị giao room thấp hơn
Cạnh tranh huy động, kênh trực tuyến	Tiêu cực	Một số ngân hàng chỉ giảm lãi suất tại quầy, giữ biểu trực tuyến, nên chi phí vốn thực tế giảm ít hơn 0,5%

Các kênh tích cực có độ trễ và khó thấy trong Q4, nhưng giải thích vì sao nhóm ngân hàng thường tăng giá trong chu kỳ lãi suất thấp. Do đó, AAS không kỳ vọng mức giảm giá sâu hơn kịch bản cơ sở, trừ khi gói ưu đãi bị mở rộng sang dư nợ hiện hữu trên diện rộng. Chỉ báo cần theo dõi: lãi suất cho vay và huy động bình quân giao dịch mới tháng 11–12 do Ngân hàng Nhà nước công bố, quy mô gói ưu đãi giải ngân, và NIM Q4/2026 trong BCTC quý 4.

AAS | RESEARCH

Báo cáo phân tích tác động của chính sách lãi suất lên nhóm ngân hàng niêm yết dựa trên thông tin công khai và BCTC đã công bố tại ngày 05/11/2026. Số liệu ước tính phụ thuộc vào cách các ngân hàng thực hiện chỉ đạo và có thể khác kết quả thực tế. AAS không đưa khuyến nghị cho từng mã trong báo cáo này. Nhà đầu tư cân nhắc trước khi quyết định và tự chịu trách nhiệm với quyết định của mình.

Phạm vi sử dụng: báo cáo không phải lời chào mua hay chào bán chứng khoán. Thông tin được thu thập từ nguồn AAS đánh giá là đáng tin cậy nhưng không bảo đảm tuyệt đối chính xác. Không sao chép hoặc phát hành lại khi chưa có đồng ý bằng văn bản của AAS.